

BÁO CÁO DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ,
PHÂN LOẠI CỦA CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
Kỳ đánh giá: Quý II/2026

Stt	HỌ VÀ TÊN	MÃ NHÂN VIÊN	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ										KẾT QUẢ XẾP LOẠI (đánh dấu X tương ứng mức đánh giá từng cá nhân)						Ghi chú	Xếp theo thứ tự thực hiện công việc quý
				Tiêu chí I+II	Tiêu chí III			Thi đua quý 02/2026			Tổng số điểm cộng	Tổng số điểm trừ	Tổng điểm	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Không xếp loại (nghỉ chế độ thai sản, nghỉ không lương, nghỉ việc,...)			
					Tiêu chuẩn 11/(8)	Tiêu chuẩn 12/(9)	Tiêu chuẩn 13/(10)	T4	T5	T6											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (5+6+7+8+ 12)-	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)			
I	Viên chức																				
1	Lê Thị Hồng Vân	1011002	93	32	15	15	30	A1	A2	A3			92	X							
2	Trương Thị Hồng	01023002	96	32	15	15	30	A2	A1	A3			92	X							
3	Phạm Thị Thu Nga	1010007	96	33	15	15	30	A1	A1	A3			93	X							
4	Lê Văn Bình	01010023	83	31	15	15	30	A2	A3	A4			91	X						24	
5	Nguyễn Thị Dinh	01011005	95	32	15	15	30	A2	A2	A3			92	X						14	
6	Bùi Thành Dũng	01011011	95	31	15	15	30	A2	A2	A4			91	X						20	
7	Ngô Thanh Điền	01022005	95	32	15	15	30	A1	A3	A3			92	X						6	
8	Nguyễn Văn Đông	01010017	95	35	15	15	30	A3	A1	A4			95	X						5	
9	Nguyễn Phương Hà	01010023	94	32	15	15	30	A3	A2	A3			92	X						25	
10	Nguyễn Văn Hậu	01010033	91	30	15	15	30	A4	A3	A3			90	X						29	
11	Giang Phi Hùng	01010030	95	35	15	15	30	A2	A3	A2			95	X						1	
12	Lê Thái Hùng	01010021	95	33	15	15	30	A1	A3	A3			93	X						2	
13	Đình Thị Huyền	01011009	93	34	15	15	30	A1	A1	A4			94	X						6	
14	Dương Đức Kiên	01010037	93	33	15	15	30	A2	A2	A4			93	X						12	
15	Nguyễn Anh Kiệt	01011001	85	25	15	15	25	A4	A4	A4			80		X					32	
16	Hà Như Mai	01010031	95	32	15	15	30	A3	A2	A3			92	X						27	
17	Nguyễn Thị Huyền Nga	010100006	96	33	15	15	30	A2	A2	A4			93	X						23	
18	Đỗ Thị Ngát	01011016	85	28	15	15	25	A4	A4	A4			83		X					31	
19	Lê Minh Phong	01022048	95	32	15	15	30	A2	A3	A4			92	X						26	
20	Nguyễn Mạnh Phương	01010032	95	34	15	15	30	A1	A3	A3			94	X						3	
21	Nguyễn Ngọc Quỳnh	01011012	90	32	15	15	30	A2	A3	A3			92	X						15	
22	Nguyễn Phú Tân	01010022	95	31	15	15	30	A3	A2	A3			91	X						9	
23	Nguyễn Thị Cẩm Thạch	01010016	93	30	15	15	30	A4	A1	A4			90	X						28	
24	Cao Thị Hồng Thắm	'01011007	96	34	15	15	30	A2	A2	A3			94	X						12	
25	Đỗ Thị Thơm	'01011008	93	31	15	15	30	A2	A2	A4			91	X						18	
26	Trần Thị Hồng Thu	'01011015	95	33	15	15	30	A1	A3	A3			93	X						13	
27	Nguyễn Thị Thủy	01010028	96	34	15	15	30	A4	A2	A3			94	X						14	
28	Hoàng Thị Trang	'01011018	93	34	15	15	30	A1	A1	A3			94	X						5	
29	Phan Thị Thùy Trang	'01011010	93	31	15	15	30	A2	A3	A4			91	X						23	
30	Đặng Thị Kiến Trúc	01010024	96	32	15	15	30	A2	A1	A4			92	X						7	
31	Nguyễn Thanh Tú	01010012	90	34	15	15	30	A3	A2	A3			94	X						12	
32	Trần Thị Ánh Tuyết	01010029	95	33	15	15	30	A1	A1	A3			93	X						8	
33	Phạm Thị Vinh	'01011006	93	31	15	15	30	A2	A3	A4			91	X						22	

Stt	HỌ VÀ TÊN	MÃ NHÂN VIÊN	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ									KẾT QUẢ XẾP LOẠI (đánh dấu X tương ứng mức đánh giá từng cá nhân)					Ghi chú	Xếp theo thứ tự thực hiện công việc quý	
				Tiêu chí I+II	Tiêu chí III			Thi đua quý 02/2026			Tổng số điểm cộng	Tổng số điểm trừ	Tổng điểm	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ			Không xếp loại (nghỉ chế độ thai sản, nghỉ không lương, nghỉ việc,...)
					Tiêu chuẩn 11/(8)	Tiêu chuẩn 12/(9)	Tiêu chuẩn 13/(10)	T4	T5	T6										
34	Trịnh Khắc Vũ	01010026	95	33	15	15	30	A4	A2	A4		2.79	90	X					Nhắc nhở thi đua tháng 4	30
II	Hợp đồng theo ND 111																			
a	Hợp đồng chuyên môn																			
1	Bùi Đức Phước	01010033	91	30	15	15	30	A3	A2	A3			90	X						20
2																				
b	Hợp đồng hỗ trợ phục vụ																			
1																				
2																				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Thị Hồng Vân